

Số: 392/HD-SYT

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 3 năm 2017

HƯỚNG DẪN

V/v phân cấp quản lý vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Bộ Luật Lao động đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012; Căn cứ Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động; Nghị định số 37/2016/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc; Nghị định số 39/2016/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động;

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT - BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động; Thông tư số 15/2016/TT - BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Y tế quy định về bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội; Thông tư số 28/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý bệnh nghề nghiệp; Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Y tế hướng dẫn khám sức khỏe.

Sở Y tế hướng dẫn nhiệm vụ quản lý nhà nước về phân cấp quản lý vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh: Hướng dẫn này phân cấp cho các đơn vị Y tế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thực hiện nhiệm vụ quản lý vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp.

1.2. Đối tượng áp dụng:

Hướng dẫn này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị trong ngành Y tế trên địa bàn có nhiệm vụ quản lý vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động và bệnh nghề

ng nghiệp; những đơn vị tham gia thực hiện các dịch vụ y tế về lao động (*khám sức khỏe người lao động; khám, chữa bệnh nghề nghiệp*) và các cơ sở sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh.

2. Nguyên tắc quản lý

2.1. Mọi cơ sở lao động đều phải thực hiện khám sức khỏe và khám bệnh nghề nghiệp, huấn luyện bảo đảm theo qui định.

2.2. Việc khám sức khỏe và khám bệnh nghề nghiệp phải được thực hiện bởi đơn vị có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Y tế và các quy định có liên quan.

2.3. Việc quản lý vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật trên cơ sở phân cấp và kết hợp quản lý theo địa giới hành chính.

2.4. Chi phí khám sức khỏe trước khi bố trí vị trí làm việc, khám sức khỏe định kỳ, huấn luyện, tư vấn sức khỏe và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động do người sử dụng lao động chi trả theo các qui định của pháp luật hiện hành.

II. PHÂN CẤP QUẢN LÝ VỆ SINH LAO ĐỘNG, SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ BỆNH NGHỀ NGHIỆP

1. Sở Y tế

1.1. Quản lý và chỉ đạo toàn diện công tác quản lý vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

1.2. Thường xuyên theo dõi, giám sát, đôn đốc các đơn vị trong ngành thực hiện kế hoạch đã đề ra, tổng hợp kết quả thực hiện của các đơn vị trong ngành và có biện pháp chỉ đạo các đơn vị thực hiện đúng quy định.

1.3. Trực tiếp quản lý các hoạt động vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động tại các cơ sở lao động trên địa bàn đối với các đơn vị có tổng số lao động từ 1.000 người trở lên.

1.4. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, định kỳ hoặc đột xuất hoạt động của các cơ sở y tế cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người lao động, cơ sở khám bệnh nghề nghiệp, đào tạo cấp chứng chỉ y tế lao động, huấn luyện sơ cứu, cấp cứu thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, định kỳ hoặc đột xuất các hoạt động vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động tại các cơ sở sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh.

2. Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh

2.1. Quản lý, kiểm tra, phối hợp thanh tra các hoạt động vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động tại các cơ sở lao động trên địa bàn đối với các đơn vị có

tổng số lao động từ 200 người trở lên đến dưới 1.000 người; Các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, dân lập tuyển tỉnh; Các cơ sở thương mại dịch vụ có số lao động từ trên 100 người; Các cơ quan, đơn vị nhà nước tuyển tỉnh; Các Trung tâm Y tế huyện/thành/thị và các đơn vị thực hiện cung cấp dịch vụ Y tế lao động đóng trên địa bàn tỉnh.

2.2. Xây dựng kế hoạch trình Sở Y tế phê duyệt và tổ chức thực hiện công tác quản lý vệ sinh lao động, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, phòng chống bệnh nghề nghiệp, huấn luyện sơ cứu, cấp cứu cho người lao động trên địa bàn.

2.3. Thông tin giáo dục truyền thông, hướng dẫn, giám sát, tập huấn, huấn luyện chuyên môn, kỹ thuật về vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động (bao gồm cả phòng chống bệnh nghề nghiệp), sơ cứu, cấp cứu cho cơ sở lao động trên địa bàn quản lý theo phân cấp.

2.4. Tổ chức giao ban với người làm công tác y tế của các cơ sở lao động thuộc phạm vi quản lý để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, cập nhật văn bản pháp quy và phối hợp trong công tác quản lý chăm sóc sức khỏe người lao động theo định kỳ 6 tháng/lần và báo cáo theo quy định.

2.5. Phối hợp kiểm tra, giám sát hoạt động của các đơn vị cung cấp dịch vụ khám sức khỏe và khám bệnh nghề nghiệp cho các cơ sở lao động trên địa bàn tỉnh theo phân cấp quản lý.

2.6. Sở Y tế giao Trung tâm y tế Dự phòng tỉnh là đầu mối hướng dẫn và tổng hợp báo cáo quản lý vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp gửi về Sở Y tế, Bộ Y tế theo quy định.

3. Trung tâm Y tế huyện, thành phố, thị xã

3.1. Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra tình hình vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động đối với các cơ sở lao động có tổng số lao động từ 10 đến dưới 200 người trên địa bàn; Các cơ sở thương mại dịch vụ có số lao động dưới 100 người trên địa bàn; Các cơ sở lao động có số lao động trực tiếp dưới 10 người có yếu tố nước ngoài và các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập tuyển huyện.

3.2. Thông tin giáo dục truyền thông, hướng dẫn, giám sát, tập huấn, huấn luyện chuyên môn, kỹ thuật về vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động (bao gồm cả phòng chống bệnh nghề nghiệp), sơ cứu, cấp cứu cho cơ sở lao động trên địa bàn quản lý theo phân cấp.

3.3. Tổ chức giao ban với người làm công tác y tế của các cơ sở lao động thuộc phạm vi quản lý để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, cập nhật văn bản pháp quy và phối hợp trong công tác quản lý chăm sóc sức khỏe người lao động theo định kỳ 6 tháng/lần.

3.4. Phối hợp kiểm tra, giám sát hoạt động của các đơn vị khám sức khỏe và khám bệnh nghề nghiệp cho các cơ sở lao động trên địa bàn tỉnh theo phân cấp quản lý.

3.5. Trực tiếp hướng dẫn và thu thập thống kê phân loại các cơ sở lao động thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn theo qui mô và ngành nghề sản xuất và tổng hợp công tác y tế lao động toàn huyện báo cáo theo đúng quy định.

3.6 Tổng hợp báo cáo quản lý vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp gửi về Trung tâm y tế Dự phòng tỉnh, Sở Y tế theo quy định.

4. Trạm Y tế xã/phường/thị trấn

4.1. Tham gia sơ cứu, cấp cứu ban đầu đối với các trường hợp tai nạn lao động, nhiễm độc các loại hóa chất và các tai nạn khác xảy ra trên địa bàn khi được yêu cầu.

4.2. Thông tin, tuyên truyền, giáo dục sức khỏe về vệ sinh phòng chống dịch, phòng chống bệnh nghề nghiệp.

4.3. Thống kê số cơ sở lao động và các yếu tố có hại trong môi trường lao động để có biện pháp hướng dẫn chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

4.4. Kiểm tra công tác vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp trên địa bàn đối với các cơ sở lao động có tổng số lao động dưới 10 người, trừ các cơ sở lao động có yếu tố nước ngoài trên địa bàn.

4.5. Định kỳ, hằng năm tổng hợp, thống kê phân loại các cơ sở lao động thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn theo qui mô và ngành nghề sản xuất, kinh doanh và báo cáo về Trung tâm y tế huyện.

III. QUY ĐỊNH VỀ KHÁM SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ BỆNH NGHỀ NGHIỆP

1. Cơ sở y tế khám sức khỏe người lao động

1.1. Khám sức khỏe cho người lao động chỉ được thực hiện bởi các cơ sở y tế có đủ điều kiện theo quy định.

1.2. Cơ sở y tế tổ chức khám sức khỏe cho người lao động có trách nhiệm lập kế hoạch khám sức khỏe cho người lao động và gửi về Sở Y tế trước ngày tổ chức khám 05 ngày để theo dõi, quản lý.

1.3. Cơ sở y tế thực hiện khám sức khỏe có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả khám sức khỏe về Sở Y tế, định kỳ hàng năm theo quy định 6 tháng/lần (Trước ngày 10/7 và 15/01 hàng năm). (có Phụ lục 1 kèm theo)

2. Cơ sở y tế khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, khám định kỳ bệnh nghề nghiệp

2.1. Khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động chỉ được thực hiện bởi các cơ sở y tế có đủ điều kiện theo quy định.

2.2. Cơ sở y tế tổ chức khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động có trách nhiệm lập kế hoạch khám bệnh nghề nghiệp và gửi về Sở Y tế trước ngày tổ chức khám 05 ngày để theo dõi, quản lý.

2.3. Cơ sở khám bệnh nghề nghiệp có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả khám bệnh nghề nghiệp về Sở Y tế, định kỳ hàng năm theo quy định 6 tháng/lần (Trước ngày 10/7 và 15/01 hàng năm). (có Phụ lục 2 kèm theo)

Sở Y tế giao cho Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh, Trung tâm Y tế huyện/thành/thị tổ chức triển khai quy định này đối với các cơ sở trong ngành và các cơ sở lao động theo phân cấp.

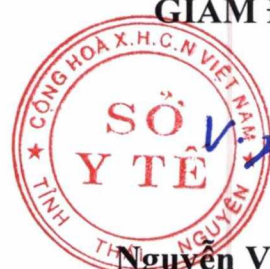
Giám đốc các cơ sở có nhiệm vụ quản lý vệ sinh lao động, quản lý sức khỏe người lao động, bệnh nghề nghiệp và các cơ sở thực hiện các dịch vụ y tế lao động có nhiệm vụ triển khai cho cán bộ, nhân viên trong cơ sở và các cơ sở lao động nắm được nội dung và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định.

Nhận được Hướng dẫn, yêu cầu Giám đốc các đơn vị triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Y tế bằng văn bản để xem xét giải quyết./. *me*

Nơi nhận:

- Sở LĐ-TB&XH (để biết);
- Ban Giám đốc Sở Y tế;
- Website Sở Y tế;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế (để T/hiện);
- Các BVĐK tư nhân trên địa bàn tỉnh (để T/hiện);
- Các phòng khám ĐK trên địa bàn tỉnh (để T/hiện);
- Phòng Y tế các huyện/thành/thị (P/hợp chỉ đạo);
- Thủ trưởng các cơ sở liên quan (P/hợp T/hiện);
- Lưu: VT, NVY (Hạnh 35b). *me*

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Vy Hồng

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
ĐƠN VỊ.....

PHỤ LỤC 1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 201...

KẾT QUẢ

KHÁM SỨC KHOẺ ĐỊNH KỲ

Số cơ sở khám sức khỏe:.....đơn vị. Cụ thể:.....(tên các cơ sở được khám....)

Kết quả như sau:

Tổng số CNVC được khám:..... người/Tổng số lao động (tỷ lệ.....%)(Nam:... ; Nữ: ...)

I- Phân loại sức khỏe

Số CBCNV ĐKSKĐK	Loại I		Loại II		Loại III		Loại IV		Loại V		Tổng số
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	
Nam											
Nữ											
Tổng cộng											

II- Tình hình bệnh tật

Nhóm bệnh	Số người mắc	Tỷ lệ %
1. Các bệnh về mắt		
2. Các bệnh TMH		
3. Các bệnh RHM		
4. Các bệnh về phổi		
4. Các bệnh về tim mạch		
5. Bệnh thận – tiết niệu		
6. Tiêu hoá		
7. Da liễu		

Nhóm bệnh	Số người mắc	Tỷ lệ %
8. Bệnh cơ xương khớp		
9. Bệnh nội tiết		
9. Phụ khoa		

III. Kết quả xét nghiệm – cận lâm sàng.

1. Xét nghiệm máu.

- Xét nghiệm sinh hóa máu:

+ Số người có kết quả bất thường/số người được xét nghiệm: Tỷ lệ %:

- Xét nghiệm tổng phân tích tế bào máu:

+ Số người có kết quả bất thường/số người được xét nghiệm: Tỷ lệ %:

2. Xét nghiệm nước tiểu :

+ Số người có kết quả bất thường/số người được xét nghiệm: Tỷ lệ %:

3. Chẩn đoán hình ảnh:

+ Số người có kết quả bất thường/số người được chụp Xquang hoặc siêu âm:
Tỷ lệ %:

IV. Nhận xét và đề nghị

1. Số lượt khám

Trong đợt cóCBCNV được khám sức khỏe, chiếm tỷ lệ

2. Tình hình bệnh tật.

+ Các bệnh thường mắc của doanh nghiệp

.....
.....

+ Hướng giải quyết các bệnh đó

.....

Thái Nguyên, ngày tháng năm 201...

Thủ trưởng cơ sở

Người tổng hợp

Phụ lục 2

MẪU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐỢT KHÁM SỨC KHOẺ

PHÁT HIỆN BỆNH NGHỀ NGHIỆP

(Ban hành theo Phụ lục 10 Thông tư số 28/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016

của Bộ trưởng Bộ Y tế)

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 20.....

Kính gửi: Sở Y tế

Thi hành Điều 21 Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015; Thông tư số 28/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý bệnh nghề nghiệp. Cơ sở khám bệnh nghề nghiệp (ghi rõ tên đơn vị) đã tiến hành khám sức khỏe phát hiện bệnh nghề nghiệp cho đơn vị (ghi rõ tên đơn vị tổ chức khám), kết quả như sau:

I. KẾT QUẢ KHÁM, PHÂN LOẠI SỨC KHOẺ

1. Kết quả khám sức khỏe:

TT	Họ và tên	Bộ phận làm việc	Tuổi/Giới		Phân loại sức khỏe					Tình trạng bệnh tật	Hướng giải quyết	Ghi chú
			Nam	Nữ	I	II	III	IV	V			
1												
2												
3												
....												
	Tổng											

2. Tổng hợp kết quả khám, phân loại sức khỏe:

a) Số người lao động được khám/ tổng số người lao động (Tỷ lệ%);

b) Phân loại sức khỏe:

- Loại I:người (Tỷ lệ%);

- Loại II:người (Tỷ lệ%);

- Loại III:người (Tỷ lệ%);

- Loại IV:người (Tỷ lệ%);

- Loại V:người (Tỷ lệ%);

c) Tình trạng bệnh tật người lao động:

- Tổng số người lao động mắc bệnh:, trong đó:

- + Bệnh cấp tính;
- + Bệnh mạn tính.

II. KẾT QUẢ PHÁT HIỆN BỆNH NGHỀ NGHIỆP

1. Danh sách người mắc bệnh nghề nghiệp:

TT	Tên bệnh nhân	Tuổi	Nghề khi bị BNN	Tuổi nghề	Ngày phát hiện bệnh	Tên bệnh nghề nghiệp	Công việc hiện nay

2. Tổng hợp kết quả khám bệnh nghề nghiệp

TT	Tên bệnh nghề nghiệp	NLĐ được khám sức khỏe phát hiện BNN		NLĐ được chẩn đoán mắc BNN	
		Tổng số	Lao động nữ	Tổng số	Lao động nữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					
...					
	Tổng cộng				

III. KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN KHÁM:

1. Điều trị cho người lao động mắc bệnh cấp tính, mạn tính, bệnh nghề nghiệp;
2. Tổ chức điều dưỡng, phục hồi chức năng cho người lao động có sức khỏe loại IV, V, những người bị bệnh, bệnh nghề nghiệp.
3. Tổ chức cho người lao động mắc bệnh nghề nghiệp khám giám định bệnh nghề nghiệp.
4. Bố trí sắp xếp việc làm cho người lao động phù hợp với sức khỏe;
5. Cải thiện điều kiện nơi làm việc cho người lao động;
6. Tổ chức thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại, nguy hiểm bằng hiện vật.
7.

Thủ trưởng cơ sở khám bệnh nghề nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)